TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM SÁCH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07/4/2020

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Bách.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đắc Quýnh và ông Lê Quang Hoàng.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Mai Hoa- Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nguyện- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 08/2020/TLST-HNGĐ ngày 16/01/2020 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/02/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/3/2020, Thông báo mở lại phiên tòa số 01 ngày 24/3/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Thu H, sinh năm 1996.

ĐKHKTT: Thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Thôn U, xã M, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Như D, sinh năm 1988.

ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: Bà Phùng Thị M- sinh năm 1957,

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, nguyên đơn chị Đoàn Thị Thu H trình bày: Chị Đoàn Thị Thu H và anh Nguyễn Như D được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND xã CH ngày 11/7/2016, hai bên gia đình tổ chức cưới theo nghi lễ truyền thống. Sau ngày cưới chị H về nhà anh D chung sống, vợ chồng hòa thuận được thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh D rượu chè chửi bới đánh đập chị, khi có mâu thuẫn xảy ra không tìm được tiếng nói chung và anh D nghe gia đình bên nội. Tháng 12/2019 vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn, anh D đánh đập đuổi chị H nên chị H đã dọn đồ về nhà đẻ tại thôn U, xã M ở đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy không thể chung sống cùng nhau được nên chị H xin ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Nguyễn Như D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến. Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/02/2020 anh D trình bày: Đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng do công việc bận không đến Tòa án làm việc được. Anh D xác nhận việc anh với chị Đoàn Thị Thu H xác lập quan hệ hôn nhân như chị H trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ hàng ngày mà gia đình nào cũng có. Tháng 12/2019 vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, trong lúc nóng giận anh có chửi bới chị H, chị H đã giận và cố chấp nên tự ý dọn đồ đạc bỏ về nhà đẻ tại xã M ở. Anh và gia đình đã tìm đón và xin lỗi nhưng phía chị H không về đoàn tụ. Nay chị H xin ly hôn, anh D mong muốn đoàn tụ nhưng do chị H tự ý bỏ đi thì phải tự về, còn nếu chị H cương quyết ly hôn thì anh cũng chấp nhận theo ý của chị H để ly hôn. Về con chung, tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bận công việc và không muốn gặp mặt chị H nên anh từ chối hòa giải, xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/02/2020, bà Phùng Thị M- là mẹ đẻ của anh D, mẹ chồng của chị H cung cấp: Chị H và anh D được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn năm 2016, có tổ chức đăng ký tại xã CH và hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống. Sau ngày cưới chị H và anh D chung sống cùng gia đình bà. Bà xác định vợ chồng chị H, anh D cũng có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, anh D thì nóng tính còn chị H thì cố chấp và tính còn trẻ con, khi vợ chồng cãi nhau chị H đã tự ý dọn đồ bỏ về nhà đẻ ở mà không xin phép chồng, gia đình nhà chồng; gia đình bà và anh D đều thông tin việc mâu thuẫn và có ý tìm gọi chị H về đoàn tụ

nhưng chị H và gia đình chị H không thiện chí. Việc ly hôn hay đoàn tụ với nhau là quyền của chị H và anh D nhưng tâm tư nguyện vọng của những người làm cha mẹ luôn mong muốn vợ chồng các con đoàn tụ còn nếu chị H cương quyết thì Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về con chung, tài sản giữa chị H với anh D: Không có.

Tại phiên toà: Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các quan điểm như nội dung đã nêu ở trên.

Anh D đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt.

Bà Phùng Thị M vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách bày tỏ quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình thu thập chứng cứ, tiến hành tố tụng tại phiên toà đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Bị đơn ban đầu không chấp hành nhưng sau đó đã cơ bản chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị Thu H ly hôn anh Nguyễn Như D. Về quan hệ con chung, tài sản chung: Không đặt ra việc xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự, người làm chứng được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người tham gia tố tụng khác đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo mở lại phiên tòa, Giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa. Nguyên đơn chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh D vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 và có ý kiến đề nghị khi xét xử sẽ vắng mặt; bà M vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh D, bà M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Thu H và anh Nguyễn Như D được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND xã CH ngày 11/7/2016, hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xem xét về quá trình chung sống, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H và anh D thấy rằng: Vợ chồng kết hôn năm 2016, quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống; anh D tính tình nóng nảy, sống gia trưởng còn chị H tuổi còn trẻ tính cố chấp nên khi mâu thuẫn xảy ra đã không cùng nhau tìm cách để giải tỏa mà chọn sống ly thân từ thời điểm tháng 12/2019 đến nay. Mặc dù anh D muốn đoàn tụ nhưng khi Tòa án đã triệu tập anh D đến Tòa án làm việc và tổ chức hòa giải nhiều lần, anh biết nhưng không đến Tòa án, thể hiện sự thờ ơ, bỏ mặc tình trạng mâu thuẫn vợ chồng; và nếu chị H cương quyết ly hôn anh D cũng chấp nhận theo quan điểm của chị H. Từ khi ly thân đến nay chị H và anh D không tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị H xin ly hôn với anh D.

[4] Về con chung: Không có nên không xét.

[5] Về tài sản chung: Chị H và anh D không yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị Thu H ly hôn anh Nguyễn Như D.

2. Về án phí: Chị Đoàn Thị Thu H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị H đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0008460 ngày 16/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nam Sách;
- Chi cục THADS huyện Nam Sách;
- UBND xã Cộng Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Bách